

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/DS-PT

Ngày: 24 – 02 – 2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 395/2021/TLPT- DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2020/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 395/2020/QĐPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Hồng M, sinh năm 1981; cư trú tại khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Mai Ngọc D1, sinh năm 1987; cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Võ Việt D2, sinh năm 1974; cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Võ Việt D2: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 11 năm 2020); cư trú tại khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Việt D2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Phan Hồng M và quá trình tố tụng tại Tòa án chị M trình bày: Vào ngày 15/02/2019, chị có cho chị Mai Ngọc D1 vay số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 19/02/2019 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng và ngày 28/3/2019 vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, tổng ba lần vay là 45.000.000 đồng có làm chung biên nhận, không quy định thời hạn trả. Ngoài ra, vào ngày 19/3/2019 chị D1 có vay của chị 50.000.000 đồng hứa 10 ngày sẽ trả nên không làm biên nhận. Việc vay nợ có thỏa thuận phần lãi suất nhưng không thể hiện cụ thể, khi chị D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nên chị có nhắn tin cho chị D1 theo số điện thoại chị D1 sử dụng là 0947480668 để đòi lại khoản nợ thì chị D1 nhắn lại và hẹn ngày trả nhưng không thực hiện. Việc chị D1 vay tiền của chị là để sử dụng mục đích chung của gia đình, anh D2 biết khoản nợ này và đã trực tiếp gửi tiền để trả lãi cho chị qua tài khoản số 070040321576 nên chị yêu cầu chị D1 và anh Võ Việt D2 là chồng chị D1 có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc 95.000.000 đồng và yêu cầu lãi trên phần tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 28/3/2019 theo mức lãi suất 1.025%/tháng và chị chấp nhận đối trừ 2.000.000 đồng chị đã nhận.

Đối với chị Mai Ngọc D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị D1 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Ý kiến của anh Võ Việt D2 trình bày: Anh đã nhận được thông báo của Tòa án, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh xác định vụ việc chị D1 vay tiền của chị M anh hoàn toàn không biết và số tiền này cũng không đem về sử dụng, tiêu xài trong gia đình nên anh không có liên quan và không chịu trách nhiệm.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Bản án sơ thẩm quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Hồng M yêu cầu đối với chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 thanh toán nợ vay còn thiếu.

Buộc chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 có nghĩa vụ trả cho chị Phan Hồng M số tiền vốn vay và lãi suất là 103.045.000 đồng.

Kể từ khi chị Phan Hồng M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 phải chịu 5.152.000 đồng. Phần tạm ứng án phí chị Phan Hồng M đã nộp 2.375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003215 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, chị M được nhận lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27-11-2020, anh Võ Việt D2 có đơn yêu cầu kháng cáo Bản án sơ thẩm, số nợ bà Mai Ngọc D1 vay ông D2 không biết, ông không có tiêu sài chung,

hiện nay ông không biết bà D1 ở đâu, bà D1 vay tiền để làm gì. Vì vậy, ông không chấp nhận cùng bà D1 trả khoản nợ này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Võ Việt D2 và đại diện cho ông D2 đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Văn T đại diện cho ông D2 đề nghị ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ trong thân tộc của chị D1, vào thời gian diễn ra vay nợ đối với chị M, thì ông D2 với bà D1 đã ly thân, không còn sống chung; và nợ trên chị D1 vay về hùn với cha mẹ làm máy gặt, nên nợ trên là nợ riêng của chị D1. Hơn nữa, chính anh D2 cũng không biết gì về khoản nợ này.

Đối với chị Mai Ngọc D1: Thống nhất với số tiền gốc và lãi bản án sơ thẩm đã tuyên. Nhưng số nợ trên, chị D1 cho rằng là nợ của chị, không liên quan gì đến ông D2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Việt D2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Võ Việt D2. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Từ ngày 15/02/2019 đến ngày 19-3-2019, chị M có cho chị Mai Ngọc D1 vay tổng cộng 95.000.000 đồng. Do chị D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bỏ đi khỏi địa phương, nên chị M khởi kiện vợ chồng chị D1, anh D2 trả khoản nợ gốc và tính lãi theo quy định Nhà nước. Bản án sơ thẩm tuyên buộc chị D1, anh D2 trả tổng cộng gốc lãi cho chị M là 103.045.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự có mặt đầy đủ đã thống nhất với nhau về tổng số nợ gốc và lãi này; hiện các bên chỉ còn tranh chấp với nhau nợ chung hay nợ riêng của vợ chồng chị D1, anh D2. Đối với chị M cho rằng chị D1 mượn nợ trong thời kỳ hôn nhân, nên yêu cầu vợ chồng chị D1 cùng trả. Anh D2 thì cho rằng bản thân chị M cho chị D1 vay tiền, nhưng chị M cũng không thông báo gì cho anh D2 biết. Đồng thời, số nợ trên chị D1 cũng cho rằng là nợ riêng, chị vay mượn để hùn hạp mua máy gặt lúa với cùng với cha mẹ ruột của chị, từ đó anh D2 không đồng ý cùng chị trả khoản nợ này.

[3] Xét lời trình bày của chị D1 cho rằng khoản nợ trên không liên quan đến anh D2 là không có cơ sở thuyết phục. Bởi lẽ, vào thời gian chị D1 vay nợ, thì chị D1 vẫn còn công tác ở Trường mầm non 19/5, thời gian này chị D1 và anh D2 vẫn chưa ly thân, vẫn còn sống chung một nhà, cùng với anh D2 chăm lo con chung,

đời sống chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D2 cũng thừa nhận đến cuối năm 2019 anh D2 mới ly thân (nay cũng chưa ly hôn) với chị D1, tuy nhiên khoản nợ trên diễn ra từ đầu năm 2019. Đến khi chị M đòi nợ, thì chính anh D2 cũng là người chuyển khoản trả 2.000.000 đồng cho chị D1. Anh D2 cũng cho rằng anh chỉ là người đi chuyển tiền dùm vợ anh để trả nợ cho chị M, chứ anh không liên quan gì về số nợ trên, xét lời trình bày này của anh D2 là không được thuyết phục. Đối với chị D1 cho rằng chị mượn nợ, hùn vốn với cha mẹ mua máy gặt lúa là trong thời kỳ hôn nhân. Thấy rằng, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh D2 với chị D1, hoạt động vay tiền hùn mua máy gặt của chị D1 cũng vì mục đích kiếm thêm thu thập, phục vụ sinh hoạt chung cho gia đình, nuôi dạy con cái, nên chị D1 cho rằng đây là nợ riêng của chị là không phù hợp. Bản án sơ thẩm tuyên buộc chị D1 và anh D2 cùng trả cho chị M khoản nợ 103.045.000 đồng là toàn diện, đúng với các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[4] Từ phần tích tởn, cấ p p hĩ c thấ m không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Việt D2. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Đối với ý kiến đại diện của bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa thu thập thêm chứng cứ như đã nêu là không cần thiết.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên anh D2 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ. Đối với án phí sơ thẩm, Bản án sơ thẩm đã xử lý là phù hợp, nên được giữ nguyên.

Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Việt D2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2020/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Hồng M yêu cầu đối với chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 đòi thanh toán nợ vay còn thiếu.

Buộc chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 có nghĩa vụ trả cho chị Phan Hồng M tổng số tiền vốn vay và lãi suất là 103.045.000 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ khi chị Phan Hồng M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng chị

Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Chị Mai Ngọc D1 và anh Võ Việt D2 phải chịu 5.152.000 đồng. Phần tạm ứng án phí chị Phan Hồng M đã nộp 2.375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003215 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, chị M được nhận lại.

- *Án phí phúc thẩm:* Ông Võ Việt D2 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số: 0004330 ngày 30-11-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út